ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THẠCH KHÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN DÔI DƯ DO SẮP XẾP THÔN NGHỈ NGAY KỂ TỪ KHI CÓ QUYẾT ĐỊNH SẮP XẾP CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hiện đang đảm nhiệm	Hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Hệ số lương và phụ cấp tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025						Mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh người hoạt động không chuyên trách đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Tiền lương tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Tuổi tại thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Số tháng công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Số năm công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Lý do nghỉ hưởng chế độ	Ghi chú
							Tổng số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh	Các khoản phụ cấp																	
									Cộng các khoản phụ cấp	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu							Cộng	Số tháng công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số tháng) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người hoạt động không	Cộng	Số năm công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số năm) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=(9+10)*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=7*MLCS*	*15=8*MLCS*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20=21+22*	*21*	*22*	*23=24+25*	*24*	*25*	*30*	*31*
THÔN PHÚC THANH																										
I	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ CHƯA ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Nguyễn Thị Huê	Nữ	01/02/1976		Bí thư Chi bộ	1,8							4.212	0	30/06/2026	50 tuổi 4 tháng	01/03/2036	116	159	159	0	13 năm 03 tháng	13 năm 03 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc điểm c khoản 1 Điều 10
THÔN TRƯỜNG XUÂN																										
II	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Lê Đình Huỳnh	Nam	12/05/1958		Thôn trưởng	1,8							4.212			68 tuổi 1 tháng						07 năm 02 tháng	07 năm 02 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
THÔN ĐAN KHÊ																										

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hiện đang đảm nhiệm	Hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Hệ số lương và phụ cấp tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025						Mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh người hoạt động không chuyên trách đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Tiền lương tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Tuổi tại thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Số tháng công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Số năm công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Lý do nghỉ hưởng chế độ	Ghi chú
							Tổng số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh	Các khoản phụ cấp																		
									Cộng các khoản phụ cấp	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu							Cộng	Số tháng công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số tháng) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người hoạt động không	Cộng	Số năm công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số năm) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=(9+10)*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=7*MLCS*	*15=8*MLCS*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20=21+22*	*21*	*22*	*23=24+25*	*24*	*25*	*30*	*31*
	THÔN THANH LAN																										
II	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Phạm Hồng Như	Nam	27/07/1962		Thôn trưởng	1,8							4.212			63 tuổi 11 tháng						18 năm 03 tháng	18 năm 03 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
	THÔN ĐÔNG GIANG																										
	THÔN TÂN HƯƠNG																										
I	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ CHƯA ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Phan Công Đình	Nam	13/06/1966		Bí thư Chi bộ	1,8							4.212	0	30/06/2026	60 tuổi 0 tháng	01/07/2028	24	283	283	0	23 năm 7 tháng	23 năm 7 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc điểm b khoản 1 Điều 10
2	Nguyễn Thanh Long	Nam	12/12/1966		Thôn trưởng	1,8							4.212	0	30/06/2026	59 tuổi 6 tháng	01/01/2029	30	265	265	0	22 năm 01 tháng	22 năm 01 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc điểm b khoản 1 Điều 10
	THÔN TÂN PHÚC																										
	THÔN VĨNH TIẾN																										
I	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ CHƯA ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hiện đang đảm nhiệm	Hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Hệ số lương và phụ cấp tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025						Mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh người hoạt động không chuyên trách đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Tiền lương tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Tuổi tại thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Số tháng công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Số năm công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Lý do nghỉ hưởng chế độ	Ghi chú
							Tổng số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh	Các khoản phụ cấp																	
									Cộng các khoản phụ cấp	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu							Cộng	Số tháng công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số tháng) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người hoạt động không	Cộng	Số năm công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số năm) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=(9+10)*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=7*MLCS*	*15=8*MLCS*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20=21+22*	*21*	*22*	*23=24+25*	*24*	*25*	*30*	*31*
1	Trần Xuân Hồng	Nam	10/07/1968		Thôn trưởng	1,8							4.212	0	30/06/2026	57 tuổi 11 tháng	01/08/2030	49	193	193	0	16 năm 01 tháng	16 năm 01 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc điểm b khoản 1 Điều 10
THÔN BÌNH SƠN																										
II	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG																									
1	Phạm Văn Trung	Nam	01/02/1956		Thôn trưởng	1,8							4.212			70 tuổi 4 tháng						21 năm 09 tháng	21 năm 09 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
THÔN VĨNH HÒA																										
THÔN VĨNH SƠN																										
THÔN TÂY SƠN																										
I	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ CHƯA ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG																									
1	Võ Thị Thành	Nữ	19/05/1977		Bí thư Chi bộ	1,8							4.212	0	30/06/2026	49 tuổi 1 tháng	01/06/2037	131	84	84	0	7 năm 0 tháng	7 năm 0 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc điểm c khoản 1 Điều 10
THÔN BẮC HẢI																										
II	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG																									

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hiện đang đảm nhiệm	Hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Hệ số lương và phụ cấp tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025						Mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh người hoạt động không chuyên trách đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Tiền lương tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Tuổi tại thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Số tháng công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Số năm công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Lý do nghỉ hưởng chế độ	Ghi chú
							Tổng số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh	Các khoản phụ cấp																	
									Cộng các khoản phụ cấp	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu							Cộng	Số tháng công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số tháng) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người hoạt động không	Cộng	Số năm công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số năm) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=(9+10)*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=7*MLCS*	*15=8*MLCS*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20=21+22*	*21*	*22*	*23=24+25*	*24*	*25*	*30*	*31*
1	Võ Bá Tú	Nam	08/08/1957		Bí thư Chi bộ	1,8							4.212			68 tuổi 10 tháng						6 năm 0 tháng	6 năm 0 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
2	Hoàng Dương	Nam	10/08/1958		Trưởng ban công tác Mặt trận	0,9							2.106			67 tuổi 10 tháng						13 năm 07 tháng	13 năm 07 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
THÔN NAM HẢI																											
II	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Nguyễn Đức Bình	Nam	10/05/1960		Thôn trưởng	1,8							4.212			66 tuổi 1 tháng						7 năm 0 tháng	7 năm 0 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
THÔN LIÊN HẢI																											
II	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Trương Quốc Tích	Nam	20/05/1959		Bí thư Chi bộ	1,8							4.212			67 tuổi 1 tháng						10 năm 10 tháng	10 năm 10 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
2	Trương Quốc Thành	Nam	07/02/1963		Thôn trưởng	1,8							4.212			63 tuổi 4 tháng						16 năm 07 tháng	16 năm 7 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
THÔN THƯỢNG HẢI																											

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hiện đang đảm nhiệm	Hệ số phụ cấp của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Hệ số lương và phụ cấp tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025						Mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh người hoạt động không chuyên trách đang đảm nhiệm (không tính phụ cấp kiêm nhiệm)	Tiền lương tháng liền kề của cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Tuổi tại thời điểm nghỉ hưởng chế độ	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP	Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Số tháng công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Số năm công tác tính hưởng chế độ theo Khoản 1 Điều 10 NĐ154			Lý do nghỉ hưởng chế độ	Ghi chú
							Tổng số	Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh	Các khoản phụ cấp																	
									Cộng các khoản phụ cấp	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu							Cộng	Số tháng công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số tháng) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người hoạt động không	Cộng	Số năm công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Thời gian (số năm) đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác quy định tại khoản 4 Điều 5 NĐ số 154/2025/NĐ-CP (không tính chức danh người		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=(9+10)*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=7*MLCS*	*15=8*MLCS*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20=21+22*	*21*	*22*	*23=24+25*	*24*	*25*	*30*	*31*
I	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ CHƯA ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG																									
1	Võ Đức Hiền	Nữ	24/02/1983		Trưởng ban công tác Mặt trận	0,9							2.106	0	30/06/2026	43 tuổi 4 tháng	01/03/2043	200	42	42	0	3 năm 6 tháng	3 năm 6 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc điểm a khoản 1 Điều 10
II	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG																									
1	Võ Quang Kiêm	Nam	16/04/1956		Thôn trưởng	1,8							4.212			70 tuổi 2 tháng						8 năm 8 tháng	8 năm 8 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10
THÔN ĐẠI HÀI																										
I	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ CHƯA ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC KHÔNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Nguyễn Quốc Hoàn	Nam	20/12/1971		Thôn trưởng	1,8							4.212	0	30/06/2026	54 tuổi 6 tháng	01/01/2034	90	137	137	0	11 năm 05 tháng	11 năm 05 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc điểm c khoản 1 Điều 10
II	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUY ĐỊNH HOẶC ĐANG HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ MẤT SỨC LAO ĐỘNG**																									
1	Nguyễn Văn Toàn	Nam	15/07/1963		Trưởng ban công tác Mặt trận	0,9							2.106			62 tuổi 11 tháng						3 năm 07 tháng	3 năm 07 tháng	0	Nghỉ theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Đối tượng thuộc khoản 3 Điều 10

Danh sách có 17 người thuộc diện dôi dư thuộc các thôn sắp xếp